

**QUY ĐỊNH**

**Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề  
trên địa bàn tỉnh Nam Định**

*(Kèm theo Quyết định số: /2020/QĐ-UBND  
ngày /6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh Nam Định.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn (*sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn*), bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa; hợp tác xã; tổ hợp tác; hộ gia đình hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống (*sau đây gọi chung là làng nghề*), cơ sở sản xuất tại các làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận.

3. Các tổ chức và cá nhân có liên quan tới công tác quản lý ngành nghề nông thôn.

**Điều 3. Các hoạt động ngành nghề nông thôn được hỗ trợ**

Các hoạt động ngành nghề nông thôn được hỗ trợ theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

**Chương II  
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4. Xúc tiến thương mại**

Các cơ sở ngành nghề nông thôn tham gia hoạt động xúc tiến thương mại được hỗ trợ theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP.

**Điều 5. Đào tạo nhân lực**

1. Nội dung và mức hỗ trợ: Các cơ sở ngành nghề nông thôn trực tiếp mở các lớp truyền nghề được hỗ trợ chi phí lớp học theo quy định tại Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định quy định mức chi phí đào tạo và mức hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, các chương trình, dự án có liên quan và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

### **Điều 6. Hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề nông thôn**

1. Nội dung hỗ trợ: Mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất; thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo dự án; tập huấn cho người tham gia dự án, tổng kết dự án; quản lý dự án; kiểm tra giám sát.

2. Mức hỗ trợ:

a) Dự án cơ giới hóa nông nghiệp phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 50% nhưng không quá 150 triệu đồng/dự án.

b) Các dự án phát triển ngành nghề nông thôn khác: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định 52/2018/NĐ-CP.

c) Hỗ trợ quản lý, kiểm tra, giám sát dự án phát triển ngành nghề nông thôn: Mức hỗ trợ tối đa không quá 5% tổng kinh phí hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề nông thôn, trong đó:

- Cơ quan quản lý kinh phí hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề nông thôn: Không quá 2% để kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, chi khác (nếu có).

- Đơn vị trực tiếp triển khai thực hiện dự án: Không quá 3% để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần sau đầu tư.

4. Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

### **Điều 7. Hỗ trợ phát triển làng nghề**

Làng nghề, làng nghề truyền thống được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn được quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Quy định này, ngoài ra còn được hưởng các chính sách sau:

1. Hỗ trợ kinh phí trực tiếp quy định tại quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận thì được hỗ trợ như sau:

a) Nghề truyền thống: Hỗ trợ 20.000.000 đồng.

b) Làng nghề: Hỗ trợ 25.000.000 đồng.

c) Làng nghề truyền thống: Hỗ trợ 30.000.000 đồng.

d) Hình thức hỗ trợ: Kinh phí hỗ trợ được cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận và được sử dụng cho các hoạt động của nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận.

2. Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các làng nghề:

a) Nội dung hỗ trợ đầu tư, cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng làng nghề: Đường giao thông, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng; xây dựng trung tâm giới thiệu sản phẩm; đầu tư hạ tầng về bảo vệ môi trường làng nghề, xử lý ô

nhiệm môi trường làng nghề.

b) Nguyên tắc ưu tiên: Làng nghề có nguy cơ mai một, thất truyền; làng nghề có thị trường tiêu thụ tốt; làng nghề gắn với phát triển du lịch và xây dựng nông thôn mới; làng nghề tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương; làng nghề gắn với việc bảo tồn, phát triển giá trị văn hóa thông qua các nghề truyền thống.

c) Mức hỗ trợ: Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ theo từng dự án được phê duyệt.

d) Nguồn kinh phí: Từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, ngân sách tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 8. Trách nhiệm của các sở, ngành**

##### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông**

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chính sách phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn và định hướng bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn; định kỳ rà soát, thống kê, phân loại, lập kế hoạch phát triển ngành nghề nông cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện các chính sách tại Quy định này.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn xây dựng và tổng hợp kế hoạch, dự toán kinh phí phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn gửi Sở Tài chính tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách hằng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án có liên quan tại Quy định này.

e) Hướng dẫn các địa phương trình tự, thủ tục xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

f) Phối hợp với các sở, ngành liên quan kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện chính sách định kỳ hàng năm.

2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn để thực hiện các nội dung hỗ trợ theo Quy định này.

##### **3. Sở Lao động Thương binh và Xã hội**

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan hướng dẫn chỉ đạo, kiểm tra, tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ về đào tạo nghề, giải quyết việc làm và thực hiện các quy định về lao động, an toàn vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội để phát triển ngành nghề nông thôn.

#### 4. Sở Công thương

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện chương trình xúc tiến thương mại.

#### 5. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai, hướng dẫn thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định.

b) Chủ trì, hướng dẫn công tác bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định. Công bố thông tin về hiện trạng môi trường, công tác bảo vệ môi trường trên các trang thông tin điện tử, các phương tiện thông tin của tỉnh.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, đánh giá điều kiện về bảo vệ môi trường trong việc công nhận làng nghề.

6. Các sở, ngành khác có liên quan: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo Quy định này.

### **Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp**

#### 1. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Xây dựng, tổng hợp dự toán kinh phí phát triển ngành nghề nông thôn vào dự toán ngân sách hàng năm của địa phương, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật. Ngoài nguồn kinh phí bố trí trực tiếp thực hiện chính sách này, các địa phương có trách nhiệm bố trí, cân đối thêm từ các nguồn kinh phí các chương trình, dự án khác và nguồn hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế để hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn.

b) Rà soát, lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống theo tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị định 52/2018/NĐ-CP trình Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận.

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh việc quản lý bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và tình hình thực hiện các quy định về tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn định kỳ một năm một lần trước ngày 30 tháng 11 hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu để tổng hợp gửi báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ về bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

#### 2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của hộ gia đình, cá nhân có sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn. Phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp trên trực tiếp.

b) Đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan chuyên môn xử lý vi phạm đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn.

c) Quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ công nhận làng nghề đúng mục đích và đúng chế độ, chính sách của Nhà nước.

**Điều 10. Tổ chức thực hiện**

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Phùng Hoan**